



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678

Email: moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05082/2026/PKQ.26.2077

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI
Địa chỉ	Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên
Địa điểm quan trắc	Nhà máy xi măng La Hiên, Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu	Không khí xung quanh
Vị trí quan trắc	KXQ.01: Trên tuyến đường bên phải hàng rào Công ty. Tọa độ: X=21.700303, Y=105.903466 KXQ.02: Trên tuyến đường bên trái hàng rào Công ty. Tọa độ: X=21.698806, Y=105.898957
Ngày quan trắc	29/05/2026
Ngày phân tích	29/05/2026 đến 11/06/2026
Ngày trả kết quả	11/06/2026

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 05:2023/BTNMT Trung bình 1 giờ
				KXQ.01	KXQ.02	
1	Nhiệt độ(*)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	34,5	29,5	-
2	Độ ẩm(*)	%RH	QCVN 46:2022/BTNMT	73,0	86,1	-
3	Tốc độ gió(*)	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,7	<0,6	-
4	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	43,5	41,2	70 ^a
5	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	54,2	57,3	70 ^b
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971: 1995	35	36	350
7	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(*)	µg/Nm ³	TCVN 5067: 1995	202	190	300
8	CO ₂ (***)	µg/Nm ³	TN/K.07	1.408.217	3.055.935	-
9	CO	µg/Nm ³	TN/K.06	4.496	4.677	30.000

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí ;
- (a) QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Độ rung;
- (b) QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas;
- (***) : Thông số tự thực hiện, không được quy định theo các văn bản QPPL hiện hành của BTNMT ban hành trong lĩnh vực quan trắc.

Bắc Ninh, ngày 11 tháng 06 năm 2026

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Ngọc Trâm

Lê Thị Khánh



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
 2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
 3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;
- BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05083/2026/PKQ.26.2077

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI
Địa chỉ	Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên
Địa điểm quan trắc	Nhà máy xi măng La Hiên, Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu	Không khí xung quanh
Vị trí quan trắc	KXQ.03: Khu vực tập thể Công ty. Tọa độ: X=21.699146, Y=105.904852 KXQ.04: Khu vực trạm y tế Công ty. Tọa độ: X=21.700238, Y=105.903482
Ngày quan trắc	29/05/2026
Ngày phân tích	29/05/2026 đến 11/06/2026
Ngày trả kết quả	11/06/2026

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 05:2023/BTNMT Trung bình 1 giờ
				KXQ.03	KXQ.04	
1	Nhiệt độ(*)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	33,4	29,6	-
2	Độ ẩm(*)	%RH	QCVN 46:2022/BTNMT	69,6	80,4	-
3	Tốc độ gió(*)	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	<0,6	<0,6	-
4	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	46,1	43,8	70 ^a
5	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	51,4	61,9	70 ^b
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971: 1995	37	34	350
7	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(*)	µg/Nm ³	TCVN 5067: 1995	154	162	300
8	CO ₂ (***)	µg/Nm ³	TN/K.07	2.805.518	3.521.528	-
9	CO	µg/Nm ³	TN/K.06	4.234	3.953	30.000

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí ;
- (a) QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Độ rung;
- (b) QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas;
- (***) : Thông số tự thực hiện, không được quy định theo các văn bản QPPL hiện hành của BTNMT ban hành trong lĩnh vực quan trắc.

Bắc Ninh, ngày 11 tháng 06 năm 2026

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Ngọc Trâm

Lê Thị Khánh



GIAM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 279**

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: **VILAS 1315**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05084/2026/PKQ.26.2077

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI
Địa chỉ	Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên
Địa điểm quan trắc	Nhà máy xi măng La Hiên, Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu	Không khí xung quanh
Vị trí quan trắc	KXQ.05: Khu vực cách đầu ống khói 500m. Tọa độ: X=21.698806, Y=105.898961 KXQ.06: Khu vực cách cuối ống khói 500m. Tọa độ: X=21.698074, Y=105.904884
Ngày quan trắc	29/05/2026
Ngày phân tích	29/05/2026 đến 11/06/2026
Ngày trả kết quả	11/06/2026

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 05:2023/BTNMT Trung bình 1 giờ
				KXQ.05	KXQ.06	
1	Nhiệt độ(*)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	31,8	29,5	-
2	Độ ẩm(*)	%RH	QCVN 46:2022/BTNMT	68,3	89,0	-
3	Tốc độ gió(*)	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	<0,6	<0,6	-
4	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	43,2	39,5	70 ^a
5	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	55,2	65,8	70 ^b
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971: 1995	33	32	350
7	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(*)	µg/Nm ³	TCVN 5067: 1995	200	172	300
8	CO ₂ (***)	µg/Nm ³	TN/K.07	3.348.708	2.964.518	-
9	CO	µg/Nm ³	TN/K.06	3.724	4.194	30.000

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí ;
- (a) QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Độ rung;
- (b) QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas;
- (**): Thông số tự thực hiện, không được quy định theo các văn bản QPPL. hiện hành của BTNMT ban hành trong lĩnh vực quan trắc.

Bắc Ninh, ngày 11 tháng 06 năm 2026

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Ngọc Trâm

Lê Thị Khánh



GIAM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi;
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



ĐIỀU TẠO NỀN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động theo văn bản số: 377/BC-SYT

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05085/2026/PKQ.26.2077

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI
Địa chỉ	Xóm Cây Bồng, Xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên
Địa điểm quan trắc	Nhà máy xi măng La Hiên, Xóm Cây Bồng, Xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Vị trí quan trắc	KL.V.01: Khu vực xuất bao xi măng. Tọa độ: X=21.699340, Y=105.903536 KL.V.02: Khu vực dây chuyền lò quay 700T/Năm. Tọa độ: X=21.698913, Y=105.901090
Ngày quan trắc	30/05/2026
Ngày phân tích	30/05/2026 đến 11/06/2026
Ngày trả kết quả	11/06/2026

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
				KL.V.01	KL.V.02	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	31,1	32,3	-
2	Độ ẩm	%RH	QCVN 46:2022/BTNMT	73,8	66,3	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	<0,6	<0,6	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	73,6	72,8	85 ^a
5	Độ rung (Giá tốc rung)	m/s ²	TCVN 6963:2001	0,020	0,040	1,4 ^b
6	CO	mg/m ³	TN/K.06	4,074	4,309	40
7	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971: 1995	0,028	0,029	10
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/m ³	TCVN 5067: 1995	0,190	0,213	8 ^c

Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (-) Không quy định, theo QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc không áp dụng cho những nơi làm việc ngoài trời;
- (a) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (b) QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- (c) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi.

Bắc Ninh, ngày 11 tháng 06 năm 2026

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Nguyễn Ngọc Trâm

Lê Thị Khánh

GIAM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy.
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động theo văn bản số: 377/BC-SYT

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05086/2026/PKQ.26.2077

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI
Địa chỉ	Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên
Địa điểm quan trắc	Nhà máy xi măng La Hiên, Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Vị trí quan trắc	KL.V.03: Khu vực nghiền xi măng 110T/Năm. Tọa độ: X=21.698925, Y=105.902912 KL.V.04: Khu vực nghiền liệu sống dây chuyền 700T/Năm. Tọa độ: X=21.698829, Y=105.901040
Ngày quan trắc	30/05/2026
Ngày phân tích	30/05/2026 đến 11/06/2026
Ngày trả kết quả	11/06/2026

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
				KL.V.03	KL.V.04	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	29,5	30,8	-
2	Độ ẩm	%RH	QCVN 46:2022/BTNMT	71,1	73,2	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	<0,6	<0,6	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	64,3	75,7	85 ^a
5	Độ rung (Gia tốc rung)	m/s ²	TCVN 6963:2001	0,010	0,010	1,4 ^b
6	CO	mg/m ³	TN/K.06	3,838	4,309	40
7	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971: 1995	0,030	0,030	10
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/m ³	TCVN 5067: 1995	0,231	0,187	8 ^c

Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (-) Không quy định, theo QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc không áp dụng cho những nơi làm việc ngoài trời;
- (a) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (b) QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- (c) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi.

Bắc Ninh, ngày 11 tháng 06 năm 2026

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Trâm

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty có phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05087/2026/PKQ.26.2077

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI
Địa chỉ	Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên
Địa điểm quan trắc	Nhà máy xi măng La Hiên, Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu	Nước thải sinh hoạt
Vị trí quan trắc	NTSH.01: Tại vị trí xả nước thải sinh hoạt của Công ty ra nguồn tiếp nhận. Tọa độ: X=21.699848, Y=105.904457
Ngày quan trắc	29/05/2026
Ngày phân tích	29/05/2026 đến 11/06/2026
Ngày trả kết quả	11/06/2026

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B	QCVN 14:2008/ BTNMT Cột B
				NTSH.01		
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	8,60	5,5 ÷ 9	5 ÷ 9
2	Độ màu ^(*)	Pt-Co	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	<12	150	-
3	TSS ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=5)	100	100
4	COD ^(*)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	12	150	-
5	BOD ₅ (20°C) ^(*)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	5	50	50
6	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(*)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=1)	10	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	5,8	-	-
8	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) ^(*)	mg/L	TCVN 6202: 2008	1,36	-	-
9	Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 6020B	0,04	5	-
10	Mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 6020B	0,011	1	-
11	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 6020B	0,0020	0,5	-
12	Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (MDL=0,0002)	0,1	-
13	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B	0,0027	0,1	-
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (MDL=0,0002)	0,01	-
15	Coliform ^(*)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	2.400	5.000	5.000
16	Dầu, mỡ Động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<3,6	-	20

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01





AC IẾT TẠO NỀN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

Số: 05087/2026/PKQ.26.2077

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- + Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.;
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- + Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Trâm

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Ninh, ngày 11 tháng 06 năm 2026



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Minh Quang



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;
BM03.QT/CL09 - LBH: 01

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05088/2026/PKQ.26.2077

VILAS 1315

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI
Địa chỉ	Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên
Địa điểm quan trắc	Nhà máy xi măng La Hiên, Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.01: Tại ao gom chứa nước thải từ quá trình làm mát. Tọa độ: X=21.698919, Y=105.903103
Ngày quan trắc	29/05/2026
Ngày phân tích	29/05/2026 đến 11/06/2026
Ngày trả kết quả	11/06/2026

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B
				NT.01	
1	pH(*)	-	TCVN 6492:2011	7,60	5,5 ÷ 9
2	Độ màu(*)	Pt-Co	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	KPH (MDL=3)	150
3	TSS(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=5)	100
4	COD(*)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	<9	150
5	BOD ₅ (20°C)(*)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	<3	50
6	Độ kiềm tổng số (tính theo CaCO ₃)(***)	mg/L	TCVN 6636-1:2000	123	-
7	Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 6020B	0,07	5
8	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 6020B	0,0031	0,5
9	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B	0,0057	0,1
10	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (MDL=0,0002)	0,01
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<2,4	10
12	Coliform(*)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2023	1.300	5.000



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



AC E IỆT TẠO NỀN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

Số: 05088/2026/PKQ.26.2077

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas;
- (**): Thông số tự thực hiện, không được quy định theo các văn bản QPPL hiện hành của BTNMT ban hành trong lĩnh vực quan trắc.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Trâm

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Ninh, ngày 11 tháng 06 năm 2026



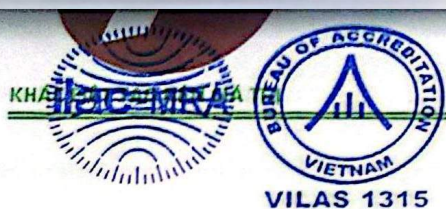
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Minh Quang



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



Điện thoại: 02046 283 678 Email: moitruong@iec.com.vn
Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

Số: 05089/2026/PKQ.26.2077

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI
Địa chỉ	Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên
Địa điểm quan trắc	Nhà máy xi măng La Hiên, Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu	Nước mặt
Vị trí quan trắc	NM.01: Cách điểm xả 50m so với điểm xả về phía đầu nguồn. Tọa độ: X=21.697773, Y=105.907497 NM.02: Cách điểm xả 150m so với điểm xả về phía cuối nguồn. Tọa độ: X=21.697767, Y=105.907531
Ngày quan trắc	29/05/2026
Ngày phân tích	29/05/2026 đến 11/06/2026
Ngày trả kết quả	11/06/2026

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 08:2023/BTNMT				
						Bảng 1 - Giá trị giới hạn	Bảng 2 - Mức phân loại chất lượng nước			
				NM.01	NM.02		Mức A	Mức B	Mức C	Mức D
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,40	7,50	-	6,5 ÷ 8,5	6,0 ÷ 8,5	6,0 ÷ 8,5	<6,0 hoặc >8,5
2	BOD ₅ ^(*)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	6	4	-	≤ 4	≤ 6	≤ 10	> 10

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03 QT/CI.09 - I.RH.01

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 05089/2026/PKQ.26.2077

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 08:2023/BTNMT				
						Bảng 1 - Giá trị giới hạn	Bảng 2 - Mức phân loại chất lượng nước			
				NM.01	NM.02		Mức A	Mức B	Mức C	Mức D
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	16	14	-	≤ 10	≤ 15	≤ 20	> 20
4	TSS ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	12	5	-	≤ 25	≤ 100	> 100 và Không có rác nổi	> 100 và Có rác nổi
5	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B	0,0044	0,0047	0,01	-	-	-	-
6	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 6020B	0,0063	0,0036	0,02	-	-	-	-
7	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (MDL=0,0002)	KPH (MDL=0,0002)	0,001	-	-	-	-
8	Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 6020B	0,14	0,12	0,5	-	-	-	-
9	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B: 2023	<3,6	<3,6	5	-	-	-	-
10	Coliform ^(*)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	230	330	-	≤ 1.000	≤ 5.000	≤ 7.500	> 7.500
11	Độ kiềm (tính theo CaCO ₃)	mg/L	TCVN 6636-1:2000	203	202	-	-	-	-	-
12	Độ màu ^(*)	Pt-Co	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	<12	KPH (MDL=3)	-	-	-	-	-

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty có phân tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

RM03 QT/CI 09 - 1 RH- 01

Số: 05089/2026/PKQ.26.2077

Ghi chú:

- QCVN 08:2023/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;
- Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người;
- Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước;
- + Mức A: Chất lượng tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hoà tan (DO) cao. Nước có thể được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp;
- + Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp;
- + Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp;
- + Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- (-): Không quy định;
- "< ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Ngọc Trâm

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Ninh ngày 11 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty có phân tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03 QT/CI 09 - 1 RH- 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn



Ấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

VILAS 13 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05090/2026/PKQ.26.2077

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI
Địa chỉ	Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên
Địa điểm quan trắc	Nhà máy xi măng La Hiên, Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu	Nước dưới đất
Vị trí quan trắc	NDD.01: Nước giếng khoan của Công ty. Tọa độ: X=21.700036, Y=105.904218
Ngày quan trắc	29/05/2026
Ngày phân tích	29/05/2026 đến 11/06/2026
Ngày trả kết quả	11/06/2026

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT Giá trị giới hạn
				NDD.01	
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	8,00	5,8 ÷ 8,5
2	TSS ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=5)	-
3	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	3,2	15
4	Clorua (Cl ⁻) ^(*)	mg/L	TCVN 6194: 1996	<6	250
5	Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 6020B	0,04	5
6	Mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 6020B	0,004	0,5
7	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 6020B	0,0044	0,01
8	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B	0,0007	0,05
9	Coliform ^(*)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)	3

Ghi chú:

- QCVN 09:2023/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Trâm

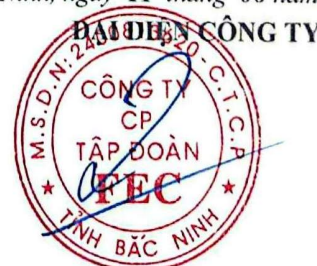
Nguyễn Ngọc Trâm

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Lê Thị Khánh

Bắc Ninh, ngày 11 tháng 06 năm 2026



GIAM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy.
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL.09 - LBH: 01